TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 03-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Ngô Thị Diền**
2. Ông **Lương Minh Suốt**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 81, đường 30/4, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Tuyết L là bà **Thạch Thị Huỳnh M**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019.

- Bị đơn: Ông **Hồ Quốc D**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lưu Thị Tuyết Ng.**

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2016 và các lời khai tiếp theo tại Tòa

án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L là bà Thạch Thị Huỳnh M trình bày: Vào ngày 20/11/2010, ông Hồ Quốc D có vay của bà Trần Thị Tuyết L số tiền 15.000.000 đồng thời hạn vay là 03 tháng và đến ngày 20/01/2011, ông Hồ Quốc D vay thêm của bà Trần Thị Tuyết L số tiền 20.000.000 đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Qua hai lần vay ông D điều có ký giấy biên nhận nợ với bà L. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy nợ chỉ thỏa thuận bên ngoài, việc vay tiền thì ông D có giao cho bà L giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 021997 thửa 90, tờ bản đồ số 70, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/3/2005 cho ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng. Từ ngày ông Hồ Quốc D vay hai khoản nợ trên đến nay ông D không thanh toán trả tiền vốn và lãi cho bà L. Tại phiên tòa bà Thạch Thị Huỳnh M yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Hồ Quốc D trả nợ vay cho bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn 35.000.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 20/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo qui định pháp luật và xin thay đổi phần lãi suất tính lãi 1,125%/ tháng thay đổi tính lãi theo pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019, bà Trần Thị Tuyết L chỉ yêu cầu ông Hồ Quốc D thanh toán khoản nợ trên mà không yêu cầu bà Lưu Thị Tuyết Ng là vợ ông D cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà. Bà L đồng ý trả lại cho ông Hồ Quốc D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông D thanh toán hết nợ cho bà L.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Hồ Quốc D để ông Hồ Quốc D thực hiện quyền, nghĩa vụ về cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật và thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết L và ông D cũng không thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và nộp (gửi) ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết L theo quy định tại các Điều 6 và Điều196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân T, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70, 72, 73, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện nguyền nghĩa vụ đúng theo qui định Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 khoản 1,2 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 4;

khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết L đối với ông Hồ Quốc D, ông Hồ Quốc D phải thanh toán cho bà Trần Thị Tuyết L số tiền gốc 35.000.000 và tiền lãi được điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Khi ông D thanh toán nghĩa vụ trả tiền xong cho bà L thì bà L giao trả lại cho ông Hồ Quốc D bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 021997 thửa 90, tờ bản đồ số 70, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/3/2005 cho ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng. Ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Tuyết L yêu cầu ông Hồ Quốc D thanh toán số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ông Hồ Quốc D có nơi đăng ký thường trú tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng . Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Quốc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Tuyết Ng cũng được Tòa án Tống đạt hợp lệ triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D, bà Ng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thạch Thị Huỳnh M xin thay đổi yêu cầu về tính lãi 1,125%/tháng đối với số nợ bị đơn thiếu nguyên đơn và yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thạch Thị Huỳnh M xác định ông Hồ Quốc D có vay của bà Trần Thị Tuyết L hai lần tiền vốn với số tiền là 35.000.000 đồng cụ thể qua các lần vay như sau: Lần 1 vào ngày 20/11/2010 vay 15.000.000 đồng thời hạn vay là 03 tháng; Lần 2 vào ngày 20/01/2011 vay 20.000.000 đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, qua hai lần vay ông D đều có ký biên nhận nợ cho bà L, đồng thời ông D có thế chấp cho bà L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 021997 thửa 90, tờ bản đồ số 70, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/3/2005 cho ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng. Riêng phần tiền lãi do hai bên thỏa thuận bên ngoài không ghi trong biên nhận. Xét thấy khi vay tiền bị đơn có viết giấy biên nhận nợ đồng thời thế chấp cho nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng của bị đơn đứng tên đây là chứng cứ chứng minh cho việc vay nợ của bị đơn nên có căn cứ xác định ông Hồ Quốc D có vay của bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn 35.000.000 đồng là việc có thật xảy ra trong thực tế.

Xét thấy việc giao dịch vay nợ giữa hai bên là sự thỏa thuận, tự nguyện với nhau, không trái qui định pháp luật, nên được xác định đây là giao dịch hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ khi có xảy ra tranh chấp.

Điều 471 qui định " *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có qui định.*"

Xét quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn cụ thể khi đến hạn trả nợ vay cho bà L lần vay thứ nhất ông D chưa thanh toán và cụ thể số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho bà L, đây là lỗi vi phạm vi phạm hợp đồng do phía bị đơn gây ra làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà Thạch Thị Huỳnh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện đòi nợ vay của nguyên đơn đối với ông Hồ Quốc D là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy số nợ trên lẽ ra buộc ông D cùng vợ là bà Lưu Thi Tuyết Ng có nghĩa vụ trả nợ cho bà L nhưng do bà L không yêu cầu bà Ng cùng ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ trả nợ của bà Ng đối với bà L nghĩ nên buộc bị đơn Hồ Quốc D trả cho bà Trần Thị Tuyết L tiền vốn vay là 35.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tiền lãi vay, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Thạch Thị Huỳnh M yêu cầu ông D tiền lãi vay cho bà L trên vốn vay 35.000.000 đồng từ ngày 20/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo qui định pháp luật và bà L cũng xác định từ ngày vay đến nay ông D không có trả lãi đối với số nợ trên cho bà và phía ông D cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc có trả tiền lãi cho bà L nên việc bà M yêu cầu ông D phải trả tiền lãi của số nợ trên cho bà L là có căn cứ. Tuy nhiên do trong biên nhận vay nợ thì không thể hiện phần tiền lãi vay, chỉ có bà L xác nhận tiền vay có lãi và lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng không xác định rõ mức lãi suất vay, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi. Lãi suất, phạt vi phạm, để áp dụng tính lãi suất của số tiền ông D vay của bà L vốn 35.000.000 đồng với thời gian tính lãi từ ngày 20/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm qua từng thời gian cụ thể sau:

Từ ngày 20/01/2011 đến ngày 31/12/2016 áp dụng lãi suất 9%/năm tương đương 0,75% /tháng , từ ngày 01/01/2017 đến ngày 03/7/2019 áp dụng lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng.

Như vậy, số tiền lãi ông Hồ Quốc D có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Tuyết L theo quy định của pháp luật là 27.468.116 đồng, cụ thể như sau:

- Vốn vay 35.000.000 đồng tính lãi từ ngày 20/01/2011 đến ngày 31/12/2016, là 71 tháng 11 ngày (tương đương 2.141 ngày) số tiền lãi là: 18.733.750 đồng

(35.000.000 đồng x 0,75% : 30 x 2.141 ngày = 18.733.750 đồng)

- Vốn vay 35.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 03/7/2019, là 30 tháng 02 ngày (tương đương 902 ngày) số tiền lãi là: 8.944.833 đồng.

(35.000.000 đồng x 0,83% : 30 x 902 ngày = 8.734.366 đồng)

[4] Khi vay tiền ông D có giao cho bà L giữa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 021997 thửa 90, tờ bản đồ số 70, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/3/2005 cho ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng, để làm niềm tin trong việc thực hiện nghĩa vụ của ông D đối với bà L và bà L cũng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D khi ông Tuấn trả xong nợ cho bà. Xét thấy đây không phải là tài sản giao dịch bảo đảm nên khi nào ông D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà L thì bà L giao trả lại cho ông Hồ Quốc D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết L được chấp nhận nên ông Hồ Quốc D phải chịu theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271,273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 471, 472, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L đối với bị đơn ông Hồ Quốc D.

Buộc ông Hồ Quốc D trả cho bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn vay 35.000.000 đồng và tiền lãi 27.468.116 đồng, tổng cộng tiền vốn, lãi là 62.468.116 đồng *(Sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn một trăm mười sáu đồng.*).

Bà Trần Thị Tuyết L giao trả lại cho ông Hồ Quốc D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 021997 thửa 90, tờ bản đồ số 70, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/3/2005 cho ông Hồ Quốc D và bà Lưu Thị Tuyết Ng, khi ông D thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Quốc D phải nộp 3.123.500 đồng *(Ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị Tuyết L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.746.500 đồng (*Một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai số 0003107 ngày 13 tháng 12 năm 2016 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005295 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị Tuyết L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hồ Quốc D còn phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án .

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.